

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT
VỀ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN
TỐT NGHIỆP NĂM 2016
(SAU TỐT NGHIỆP 12 THÁNG)**

Đà Nẵng, 10-2017

MỤC LỤC

1	Quá trình khảo sát.....	3
1.1	Gới thiệu	3
1.2	Hình thức và thời gian khảo sát	3
1.3	Nội dung khảo sát	3
2	Kết quả khảo sát	4
2.1	Phân bổ phiếu khảo sát	4
2.2	Tình hình việc làm	5
2.3	Thời điểm có việc làm	7
2.4	Khu vực làm việc	8
2.5	Mối liên hệ giữa kết quả học tập và tỷ lệ có việc làm	10
3	Các đề xuất, kiến nghị	11

1 Quá trình khảo sát

1.1 Giới thiệu

Nhằm thu thập thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên cũng như thu thập những ý kiến nhằm tìm hiểu những khó khăn trong quá trình tìm việc làm của cựu sinh viên, Nhà trường thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát đối với cựu sinh viên. Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường nắm được thông tin về tình hình việc làm của cựu sinh viên và có những giải pháp nhằm hỗ trợ cựu Sinh viên cũng như cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) và các hoạt động đào tạo nhằm gia tăng tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo.

Nhà trường đã tổ chức khảo sát tình hình việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp các đợt tháng 01/2016 và tháng 06/2016

1.2 Hình thức và thời gian khảo sát

Do cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp đi làm ở nhiều nơi khác nhau nên hình thức khảo sát được sử dụng là khảo sát qua điện thoại và khảo sát trên giấy.

- Đối với đợt khảo sát ngay khi sinh viên tốt nghiệp, sinh viên được phát phiếu khi sinh viên làm thủ tục nhận hồ sơ và bằng tốt nghiệp vào tháng 06/2016.
- Hình thức khảo sát qua điện thoại được tiến hành hai đợt là tháng 1 - 3/2017 và tháng 8-9/2017 tương ứng với 2 thời điểm sau khi sinh viên tốt nghiệp 6 tháng và 12 tháng.

1.3 Nội dung khảo sát

Khảo sát qua điện thoại có thời gian hỏi không nhiều, nội dung khảo sát cần ngắn gọn, bao gồm các thông tin chính yếu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên là:

1. Anh/Chị đã có việc làm chưa?
2. Anh/Chị đã có việc làm đúng ngành hoặc liên quan với ngành đào tạo không?
3. Bao lâu sau khi tốt nghiệp thì Anh/Chị có việc làm?
4. Anh/Chị làm việc tại cơ quan/ doanh nghiệp nào ?
5. Mức thu nhập bình quân theo tháng của Anh/Chị là khoảng bao nhiêu?
6. Địa chỉ nơi Anh/Chị đang công tác?
7. Khu vực làm việc của Anh/Chị?
8. Lý do Anh/Chị chưa đi làm ?

2 Kết quả khảo sát

2.1 Phân bổ phiếu khảo sát

Trong tổng số 1729 sinh viên tốt nghiệp có 1314 sinh viên trả lời khảo sát. Trong đó, trả lời khảo sát phiếu giấy ngay khi tốt nghiệp có 252 SV đã có việc làm tại thời điểm được khảo sát và trả lời khảo sát qua điện thoại là 1062 SV đã có việc làm. Đối với số sinh viên còn lại (415 sinh viên), Người khảo sát đã cố gắng liên lạc nhiều lần nhưng hầu hết sinh viên ra trường đều thay đổi số điện thoại hoặc không liên lạc được.

Số lượng cựu sinh viên tham gia trả lời khảo sát chi tiết theo từng ngành như trong Bảng 1.

Bảng 1. Tỷ lệ cựu sinh viên tham gia khảo sát về tình hình việc làm và thu nhập

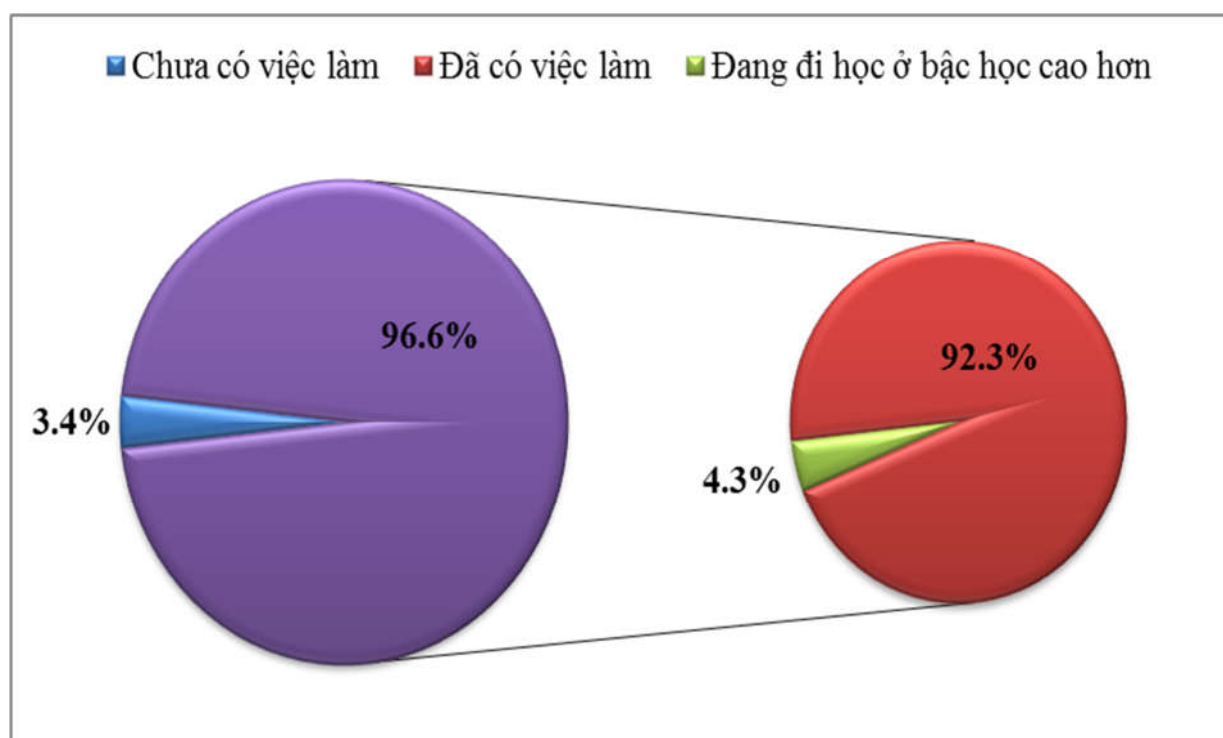
Ngành	Số SVTN	Số SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ SV tham gia KS/ Số SVTN
Kinh tế	241	195	80.9%
Kinh doanh quốc tế	129	91	70.5%
Quản trị kinh doanh	288	228	79.2%
Kế toán	213	169	79.3%
Tài chính – Ngân hàng	278	204	73.4%
Kinh doanh thương mại	67	50	74.6%
Marketing	55	44	80.0%
Luật kinh tế	59	38	64.4%
Hệ thống thông tin quản lý	62	47	75.8%
Quản trị nhân lực	64	48	75.0%
Kiểm toán	95	65	68.4%
Luật	53	41	77.4%
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	91	66	72.5%
Quản lý nhà nước	16	14	87.5%
Thống kê	18	14	77.8%
Tổng	1729	1314	76.0%

2.2 Tình hình việc làm

Trong tổng số 1314 sinh viên tham gia trả lời khảo sát, tình hình việc làm của cựu sinh viên sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp cụ thể như trong Bảng 2 và Hình 1:

Bảng 2. Tình hình việc làm của cựu sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng

Tình hình việc làm	Số lượng	Tỷ lệ
- Đã có việc làm hoặc đang học nâng cao	1269	96.6%
+ Đã có việc làm	1213	92.3%
+ Đang đi học ở bậc học cao hơn	56	4.3%
- Chưa có việc làm	45	3.4%



Hình 1. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng

Dựa vào số liệu đã được khảo sát, tỷ lệ sinh viên đã có việc làm hoặc đang đi học ở bậc học cao hơn chiếm khoảng 96.6% tổng số sinh viên được khảo sát.

Trong đó, theo từng ngành, tỷ lệ có việc làm chi tiết như trong Bảng 3. Từ bảng số liệu có thể thấy, trong hầu hết các ngành, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 90%. Đặc biệt trên 80% số ngành có tỷ lệ việc làm đạt trên 95%.

Bảng 3. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 12 tháng theo ngành đào tạo

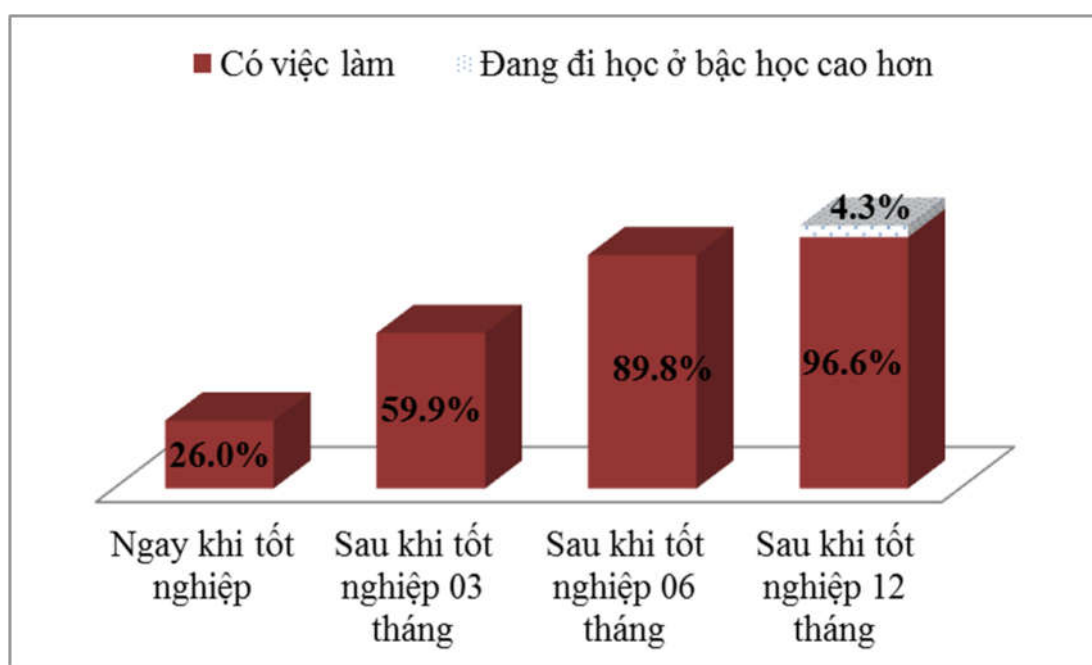
TT	Ngành đào tạo; mã số	Tổng số SVTN	Tổng số SVTN được khảo sát	Chia theo giới tính		Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm
				Nam	Nữ	Số SVTN có việc làm	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số lượng SVTN chưa có việc làm	
1	Kinh tế; 52310101	241	195	52	189	167	12	16	91.8%
2	Kinh doanh quốc tế; 52340120	129	91	24	105	88	2	1	98.9%
3	Quản trị kinh doanh; 52340101	288	228	96	192	217	8	3	98.7%
4	Kế toán; 52340301	213	169	24	189	164	2	3	98.2%
5	Tài chính – Ngân hàng; 52340201	278	204	71	207	188	9	7	96.6%
6	Kinh doanh thương mại; 52340121	67	50	13	54	45	2	3	94.0%
7	Marketing; 52340115	55	44	8	47	41	2	1	97.7%
8	Luật kinh tế; 52380107	59	38	15	44	32	5	1	97.4%
9	Hệ thống thông tin quản lý; 52340405	62	47	11	51	44	2	1	97.9%
10	Quản trị nhân lực; 52340404	64	48	15	49	44	2	2	95.8%
11	Kiểm toán; 52340302	95	65	32	63	60	2	3	95.4%
12	Luật; 52380101	53	41	10	43	33	6	2	95.1%
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; 52340103	91	66	12	79	63	2	1	98.5%
14	Quản lý nhà nước; 52310205	16	14	4	12	13	0	1	92.9%
15	Thông kê; 52460201	18	14	0	18	14	0	0	100%
Tổng cộng		1729	1314	387	1342	1213	56	45	96.6%

2.3 Thời điểm có việc làm

Xét về thời điểm có việc làm, Bảng 4 và Hình 2 cho thấy ngay khi tốt nghiệp, khoảng 26% sinh viên đã có việc làm và sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp phần lớn cựu sinh viên (96.6%) tìm kiếm được việc làm hoặc đang theo học nâng cao.

Bảng 4. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên

Thời điểm	Số lượng	Tỷ lệ
Ngay khi tốt nghiệp	342	26.0%
Sau khi tốt nghiệp 03 tháng	787	59.9%
Sau khi tốt nghiệp 06 tháng	1180	89.8%
Sau khi tốt nghiệp 12 tháng	1269	96.6%



Hình 2. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên

Bảng 5 cho biết thời điểm có việc làm cụ thể theo từng chuyên ngành. Ngay khi tốt nghiệp, một số ngành có số lượng sinh viên đã có việc làm chiếm trên 50% như ngành Hệ thống thông tin quản lý và Quản lý nhà nước, tỷ lệ lần lượt là 53.2% và 50%. Sau khi tốt nghiệp 06 tháng, hầu hết các ngành có trên 80% số lượng sinh viên có việc làm trừ chuyên ngành Luật (78%). Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc đang theo học nâng cao sau khi tốt nghiệp 12 tháng trên 95% chiếm 12 ngành trong 15 ngành. Các ngành còn lại có tỷ lệ việc làm từ 90% trở lên.

Bảng 5. Thời điểm có việc làm của cựu sinh viên phân theo ngành

ST T	Ngành	Số SV được khảo sát	Thời điểm có việc làm							
			Ngay khi tốt nghiệp		Sau khi tốt nghiệp 03 tháng		Sau khi tốt nghiệp 06 tháng		Sau khi tốt nghiệp 12 tháng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Kế toán	169	57	33.7%	133	78.7%	161	95.3%	166	98.2%
2	Kiểm toán	65	26	40%	43	66.2%	60	92.3%	62	95.4%
3	Hệ thống thông tin quản lý	47	25	53.2%	39	83%	41	87.2%	46	97.9%
4	Kinh doanh quốc tế	91	21	23.1%	56	61.5%	84	92.3%	90	98.9%
5	Kinh doanh thương mại	50	10	20%	33	66%	45	90%	47	94%
6	Kinh tế	195	44	22.6%	113	57.9%	162	83.1%	179	91.8%
7	Luật	41	6	14.6%	18	43.9%	32	78%	39	95.1%
8	Luật kinh tế	38	8	21.1%	21	55.3%	31	81.6%	37	97.4%
9	Marketing	44	14	31.8%	22	50%	41	93.2%	43	97.7%
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	66	15	22.7%	30	45.5%	61	92.4%	65	98.5%
11	Quản trị kinh doanh	228	63	27.6%	125	54.8%	213	93.4%	225	98.7%
12	Quản trị nhân lực	48	6	12.5%	22	45.8%	43	89.6%	46	95.8%
13	Tài chính – Ngân hàng	204	37	18.1%	114	55.9%	181	88.7%	197	96.6%
14	Quản lý nhà nước	14	7	50%	12	85.7%	13	92.9%	13	92.9%
15	Thống kê	14	3	21.4%	6	42.9%	12	85.7%	14	100%

2.4 Khu vực làm việc

Nhìn chung, sinh viên tốt nghiệp chủ yếu làm việc tại các công ty tư nhân. Theo từng chuyên ngành, số lượng sinh viên làm việc tại các công ty tư nhân chiếm tỷ lệ lớn trong khoảng 67% - 92.3 %.

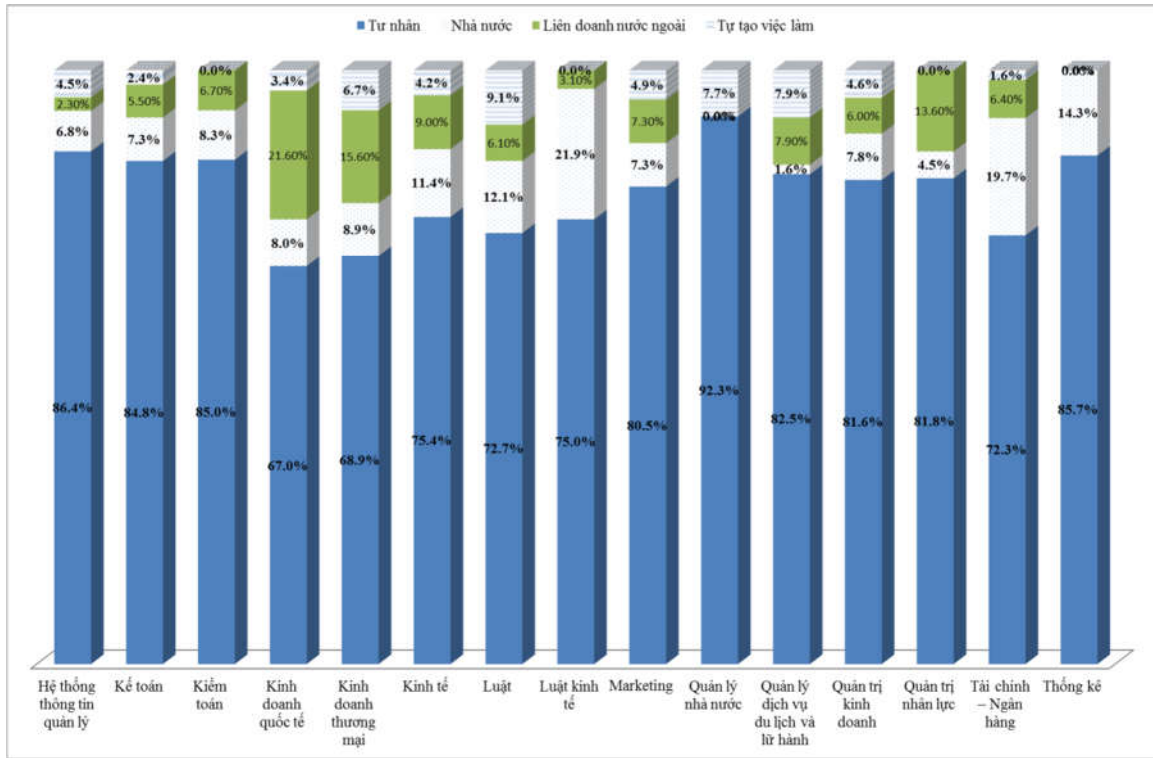
Ngành Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại và Quản trị nhân lực có tỷ lệ sinh viên đang làm việc tại các công ty liên doanh nước ngoài đáng kể, tỷ lệ lần lượt là 21.6%, 15.6% và 13.6%.

Riêng số lượng sinh viên làm việc tại các công ty và cơ quan nhà nước thường chỉ chiếm dưới 10% của các ngành, trừ ngành Luật kinh tế (21.9%), Tài chính – Ngân hàng (19.7%), Luật (12.1%), Kinh tế (11.4%) và Thống kê (14.3%).

Sinh viên sau khi tốt nghiệp tự tạo việc làm chiếm 3.5%. Trong đó, nhiều nhất là sinh viên ngành Luật với 3 SV (chiếm 9.1% tổng số SV ra trường của ngành này). Tiếp đến là Quản lý nhà nước và Quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành với lần lượt là 7.7% và 7.9% trong tổng số SV tốt nghiệp của hai chuyên ngành trên.

Bảng 6. Khu vực làm việc của cựu sinh viên phân theo ngành

ST T	Ngành	Số SV có việc làm	Khu vực làm việc							
			Liên doanh nước ngoài		Nhà nước		Tư nhân		Tự tạo việc làm	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Hệ thống thông tin quản lý	44	1	2.3%	3	6.8%	38	86.4%	2	4.5%
2	Kế toán	164	9	5.5%	12	7.3%	139	84.8%	4	2.4%
3	Kiểm toán	60	4	6.7%	5	8.3%	51	85.0%	0	0.0%
4	Kinh doanh quốc tế	88	19	21.6%	7	8.0%	59	67.0%	3	3.4%
5	Kinh doanh thương mại	45	7	15.6%	4	8.9%	31	68.9%	3	6.7%
6	Kinh tế	167	15	9.0%	19	11.4%	126	75.4%	7	4.2%
7	Luật	33	2	6.1%	4	12.1%	24	72.7%	3	9.1%
8	Luật kinh tế	32	1	3.1%	7	21.9%	24	75.0%	0	0.0%
9	Marketing	41	3	7.3%	3	7.3%	33	80.5%	2	4.9%
10	Quản lý nhà nước	13	0	0.0%	0	0.0%	12	92.3%	1	7.7%
11	Quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành	63	5	7.9%	1	1.6%	52	82.5%	5	7.9%
12	Quản trị kinh doanh	217	13	6.0%	17	7.8%	177	81.6%	10	4.6%
13	Quản trị nhân lực	44	6	13.6%	2	4.5%	36	81.8%	0	0.0%
14	Tài chính – Ngân hàng	188	12	6.4%	37	19.7%	136	72.3%	3	1.6%
15	Thống kê	14	0	0.0%	2	14.3%	12	85.7%	0	0.0%
	Tổng cộng	1213	97	8.0%	123	10.1%	950	78.3%	43	3.6%



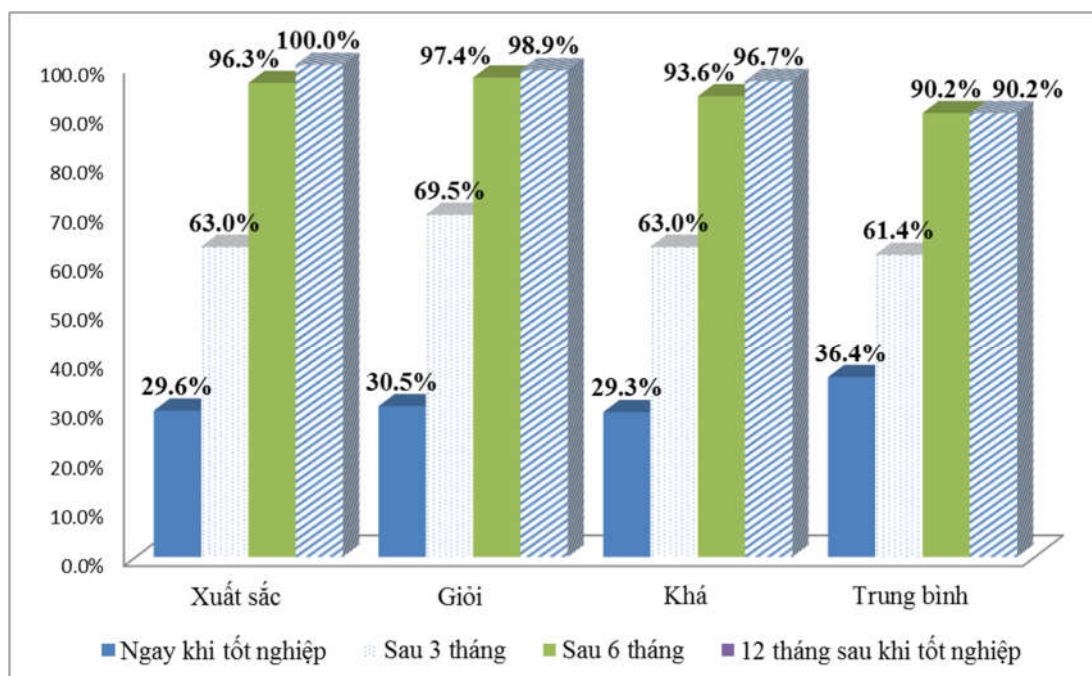
Hình 3. Khu vực làm việc của cựu sinh viên phân theo ngành

2.5 Môi liên hệ giữa kết quả học tập và tỷ lệ có việc làm

Xét theo kết quả học tập, tỷ lệ có việc làm của sinh viên như trong Bảng 7 và Hình 5. Từ bảng này có thể thấy rằng xếp loại tốt nghiệp của sinh viên càng cao thì tỷ lệ có việc làm cũng càng cao, nhưng sự chênh lệch về tỉ lệ có việc làm giữa các nhóm xếp loại là không quá lớn. 100% sinh viên có xếp loại xuất sắc đều có việc làm hoặc đang theo học nâng cao. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại trung bình có việc làm hoặc đang theo học nâng cao cũng đạt 90.2%. Hình thể hiện chi tiết và rõ hơn về tỷ lệ cựu sinh viên có việc làm xét theo xếp loại tốt nghiệp.

Bảng 7. Tỷ lệ cựu sinh viên có việc làm xét theo xếp loại tốt nghiệp

STT	Xếp loại	Tổng số SV được khảo sát	Sinh viên chưa có việc làm		Sinh viên có việc làm hoặc đang học nâng cao	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Xuất sắc	27	0	0%	27	100%
2	Giỏi	269	3	1.1%	266	98.9%
3	Khá	886	29	3.3%	857	96.7%
4	Trung bình	132	13	9.8%	119	90.2%



Hình 5. Tỷ lệ cựu sinh viên có việc làm xét theo xếp loại tốt nghiệp

3 Các đề xuất, kiến nghị

- Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm đạt được cao và khá đồng đều giữa các ngành. Tuy nhiên, trong thời gian đầu (dưới 3 tháng) còn một tỉ lệ khá lớn sinh viên chưa có việc làm. Một trong các nguyên nhân có thể xuất phát từ việc sinh viên chậm tiếp cận với thông tin về thị trường việc làm. Do đó, Nhà trường và đặc biệt là các khoa, bộ môn phụ trách các ngành nên chú trọng hơn nữa vào việc giới thiệu việc làm sớm và tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong tìm kiếm việc làm.

- Nhà trường nên chú trọng mở rộng đào tạo với những ngành có tỉ lệ sinh viên có việc làm cao và có việc làm sớm, đồng thời cũng xem xét đến những ngành mà Đà

Năng và các tỉnh thành khu vực Miền Trung và Tây nguyên có nhu cầu lớn như : Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế,...

- Theo ghi nhận các ý kiến góp ý từ một số cựu sinh viên trong quá trình khảo sát, Nhà trường nên xem xét các nội dung sau :

+ Chú trọng trang bị thêm kỹ năng làm việc thực tế ngoài những kiến thức nền tảng và các kỹ năng cơ bản bằng, đồng thời điều kiện cho sinh viên đến thực tập, làm việc sớm tại các cơ quan, doanh nghiệp.

+ Cần mở thêm các khóa đào tạo về kỹ năng mềm như: phỏng vấn, giao tiếp, quan hệ cộng đồng,...

- Về việc tổ chức khảo sát, có một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng khảo sát :

+ Đa dạng hóa các hình thức khảo sát để tiếp cận các cựu sinh viên không thể liên lạc thông qua điện thoại.

+ Bổ sung một số câu hỏi khảo sát chuyên sâu để ghi nhận thêm các phản hồi làm cơ sở để triển khai các hoạt động cải tiến nhằm nâng cao tỉ lệ sinh viên có việc làm.

+ Triển khai thêm một số khảo sát đối với sinh viên năm 3 và năm 4 để nắm bắt nguyện vọng của sinh viên trước khi ra trường và có các điều chỉnh phù hợp trong tổ chức đào tạo và hỗ trợ sinh viên trước khi sinh viên tốt nghiệp.

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 10 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG